

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

Bản án số: 31/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 30-01-2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Đông

Bà Lâm Thị Loan Em

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên
tòa:** Bà Nguyễn Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025 về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Hồng T, sinh ngày 11/8/1986 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

CCCD số: 096186002291, ngày cấp 12/4/2022.

Địa chỉ: Ấp N, xã T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Lâm Hoài T1, sinh ngày 16/8/1988 (vắng mặt).

CCCD số: 094088012465, ngày cấp 09/9/2022.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18/11/2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Hồng T trình bày:

Bà Trần Hồng T và ông Lâm Hoài T1 quen nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân. Được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố Cần Thơ vào ngày 23/8/2019. Quá trình chung sống vợ chồng

sống với nhau rất hạnh phúc và có 03 con chung, nhưng thời gian về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn. Mặc dù gia đình, thân tộc hai bên cũng đã nhiều lần góp ý hàn gắn nhưng không thành. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì bất đồng quan điểm, nên đã ly thân từ tháng 01 năm 2025 đến nay. Từ đó tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, thương yêu nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai còn trách nhiệm với ai nữa. Nay xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Thanh T2, sinh ngày 26/10/2014, Trần Trúc P, sinh ngày 26/9/2016 và Lâm Trần Trúc N, sinh ngày 12/12/2023, hiện cả 03 con đều đang sống cùng mẹ. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung. Không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

- Bị đơn ông Lâm Hoài Thanh vắng M, không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T1; Về con chung đề nghị giao cả 03 con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết do đương sự không yêu cầu. Án phí ly hôn buộc nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Hồng T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Lâm Hoài T1 vắng M không lý do, đương sự đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 89 ngày 23/8/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã P, thành phố Cần Thơ) thể hiện, bà Trần Hồng T và ông Lâm Hoài T1 có đăng ký kết hôn với nhau, đương sự trình bày kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp. Qua lời trình bày của nguyên đơn thể hiện trong thời gian

chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên đã ly thân từ tháng 01 năm 2025 đến nay.

Toà án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhưng ông T1 không tham gia nên không tiến hành hoà giải được, ông T1 biết được thông tin bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nhưng không phản hồi ý kiến cho Toà án. Điều này chứng tỏ ông T1 không có nguyện vọng hoặc mong muốn được hàn gắn với bà T. Việc nam nữ đăng ký kết hôn với nhau xuất phát từ mong muốn tìm kiếm hạnh phúc trong cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, nếu hôn nhân không như mong muốn, không còn hạnh phúc trong cuộc sống vợ chồng thì ly hôn chính là giải pháp cho cả hai, nên không thể bắt buộc bà T phải tiếp tục chung sống với ông T1 nếu như bà không còn tình cảm và thực tế hiện nay vợ chồng đã không còn chung sống với nhau là vi phạm tình nghĩa vợ chồng được luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà T được ly hôn với ông T1.

[3] Về con chung: Bà T trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung tên Trần Thanh T2, sinh ngày 26/10/2014, Trần Trúc P, sinh ngày 26/9/2016 và Lâm Trần Trúc N, sinh ngày 12/12/2023, hiện cả 03 con đều đang sống cùng mẹ. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Ông T1 không phản hồi ý kiến cho Tòa án về quyền nuôi con. Xét thấy, bà T và ông T1 không thỏa thuận được việc ai là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng cháu N dưới 36 tháng tuổi, hiện đang sống ổn định cùng mẹ là bà T, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Riêng, các cháu T2 và cháu P đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng mẹ được Tòa án ghi nhận vào ngày 09/12/2025. Xét thấy, từ quy định trên cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp về mọi mặt của con chưa thành niên, nhằm tạo điều kiện cho các cháu có môi trường sống ổn định, an tâm học hành, tránh làm xáo trộn cuộc sống thường nhật của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao 03 con chung là các cháu Trần Thanh T2, Trần Trúc P và Lâm Trần Trúc N cho bà Trần Hồng T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi (thành niên). Ông Lâm Hoài T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Buộc bà Trần Hồng T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0010089 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà T đã nộp xong án phí.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Trần Hồng T được ly hôn với ông Lâm Hoài T1.

2. Về con chung: Giao bà Trần Hồng T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung tên Trần Thanh T2, sinh ngày 26/10/2014, Trần Trúc P, sinh ngày 26/9/2016 và Lâm Trần Trúc N, sinh ngày 12/12/2023 (hiện cả 03 con đều đang sống cùng mẹ là bà Trần Hồng T) đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Lâm Hoài T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết trong vụ việc ly hôn do đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí sơ thẩm: Buộc bà Trần Hồng T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010089 ngày 18/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ, bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND KV7-Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- UBND xã Phú Lộc, TP Cần Thơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thành Nghiệp